TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ẩn.**

2/ Bà **Lê Thị Ái Xuân.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thanh K**, sinh năm 1994. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc C**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23/9/2024, nguyên đơn chị Lê Thanh K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc C thành hôn vào năm 2011, do quen biết, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 12 năm, lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không còn hạnh phúc do anh K không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, và vợ chồng ly thân từ tháng 10/2023 đến nay không hàn gắn lại được. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Quốc C.

- Về con chung: Có 03 con chung gồm: Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/5/2012 hiện đang sống chung với anh K; Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 12/3/2014 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/7/2020 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại văn bản (Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ) ngày 12/11/2024, chị Lê Thanh K trình bày: Về con chung chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích H và Nguyễn Ngọc D, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Để anh K được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quốc H, chị không cấp dưỡng.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 17/02/2025, người làm chứng bà Lê Thị L trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Lê Thanh K. Giữa chị K và anh K thành hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi thành hôn thì chị K và anh K sống bên gia đình chồng, chị K đi làm công ty, anh K thì ở nhà. Vợ chồng chị K, anh K phát sinh mâu thuẫn, cự cãi do anh K không lo làm ăn, không quan tâm chăm lo gì cho vợ con. Do gia đình chồng xua đuổi nên chị K về nhà bà sinh sống từ tháng 10/2023 đến nay. Về con chung của chị K và anh K có 03 con chung, cháu Huy đang sống chung với anh K và gia đình nội, cháu đang đi học, gia đình bà thỉnh thoảng có phụ lo cho cháu; cháu Diệu và cháu Huyền hiện đang sống với chị K và gia đình bà, điều kiện sống của các cháu được đảm bảo, các cháu được cho đi học và phát triển tốt về mọi mặt. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị K, anh K không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Toà án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thanh K được ly hôn với anh Nguyễn Quốc C. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/5/2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; giao 02 con chung tên Nguyễn

Thị Bích H, sinh ngày 12/3/2014 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/7/2020 cho chị Lê Thanh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thanh K và anh Nguyễn Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị K và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn, khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0011537 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị K đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lê Thanh K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Quốc C cư trú ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Lê Thanh K có đơn xin vắng mặt ngày 12/11/2024, bị đơn anh Nguyễn Quốc C được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Lan đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lê Thanh K và anh Nguyễn Quốc C thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 vào ngày 07/02/2014 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh K là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị K và anh K thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, anh K không có trách nhiệm với gia đình và vợ chồng ly thân từ tháng 10/2023 đến nay không hàn gắn được. Theo lời trình bày của chị K cũng như người làm chứng bà Lê Thị L xác định giữa anh K và chị K phát sinh mâu thuẫn do anh K không lo làm ăn, không chăm lo gì cho vợ con. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh K vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị K và anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị K là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/5/2012 hiện đang sống trực tiếp với anh K; Con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 12/3/2014 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/7/2020 hiện đang sống trực tiếp với chị K, cuộc sống của các cháu cũng đảm bảo, cháu Huy có nguyện vọng sống chung với anh K, cháu Huyền có nguyện vọng sống chung với chị K. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích H và Nguyễn Ngọc D, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Giao anh K tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quốc H, chị K không cấp dưỡng. Anh K không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các con và xét nguyện vọng của các con được sống chung với cha hoặc mẹ nên Hội đồng xét xử xét giao con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/5/2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 12/3/2014 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/7/2020 cho chị Lê Thanh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thanh K và anh Nguyễn Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị K và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thanh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thanh K phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thanh K. Xử cho chị K ly hôn với anh Nguyễn Quốc C.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/5/2012 cho anh Nguyễn Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 12/3/2014 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/7/2020 cho chị Lê Thanh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lê Thanh K và anh Nguyễn Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị K, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Lê Thanh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Lê Thanh K phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị K đã nộp theo biên lai thu số 0011537 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 07/02/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thuý An